

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/DS-PT

Ngày 21/12/2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất, tài sản gắn liền với đất và
yêu cầu di dời tài sản trên đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đức Chiến

Các Thẩm phán:

Ông Lộc Sơn Thái

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 90/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nông Văn C, sinh năm 1974, có mặt. Người đại diện theo ủy quyền là bà Linh Thị B. Cùng nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nông Văn C: Bà Chu Bích T - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1964, vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn P là bà Phùng Thị T. Cùng nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 14/2/2020) có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn P: Ông Nguyễn Trọng H - Luật sư. Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn 1 tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt. (Có đơn xin từ chối bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

cho ông Lê Văn P).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Linh Thị B, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Linh Thị B: Bà Chu Bích T
- Trợ giúp viên Trung tâm T tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

2. Anh Nông Văn H, sinh năm 2000, vắng mặt.

3. Chị Nông Thị Thu H, sinh năm 1996, vắng mặt

4. Chị Nông Thị M, sinh năm 1994, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nông Văn H, chị Nông Thị Thu H, chị Nông Thị M là bà Linh Thị B. Cùng cư trú tại: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020), có mặt

5. Bà Phùng Thị T, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phùng Thị T: Luật sư Nguyễn Trọng H, Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn L tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
(Có đơn xin từ chối bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phùng Thị T).

6. Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1991, có mặt.

7. Chị Vy Thị H, sinh năm 1997, vắng mặt

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã L, huyện V, Lạng Sơn.

8. Chị Lê Thị T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt

9. Chị Lê Thị Z, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn B, xã Li, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Văn Đ, chị Vy Thị H, chị Lê Thị Thành, chị Lê Thị Z là bà Phùng Thị T, cùng cư trú Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, (văn bản ủy quyền ngày 14/2/2020 và ngày 21/4/2020), có mặt.

10. Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền là ông Hà Văn N, Công chức Địa chính – xây dựng xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, (theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2020), có mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Lương Văn X. Nơi cư trú: Phố Đ, Thị trấn V, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Ông Phùng Văn K, vắng mặt.

3. Bà Bé Thị T, vắng mặt.

4. Ông Nông Văn N, vắng mặt.

5. Bà Luân Thị L, vắng mặt.

Cùng cư trú: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn

- *Người kháng cáo:* Bà Phùng Thị T là người đại diện hợp pháp của bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyên đơn anh Nông Văn C và người đại diện theo ủy quyền là bà Linh Thị B thống nhất trình bày:

Gia đình anh có khu đất rừng tại địa danh là đồi L thuộc thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Về nguồn gốc của khu đất rừng là do ông, bà nội khai phá canh tác, sử dụng rồi để lại cho bố mẹ và anh quản lý, chính bản thân anh lớn lên đã được canh tác. Đến năm 1995 được Nhà nước phát động giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, anh đã được kê khai cả khu đất đồi N ra đến đồi Pác L và P để xin cấp Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ Bìa xanh) nhưng chưa được cấp, đến năm 1996 anh trồng hồi con theo dự án 661 là 70 cây hồi con, ông Lê Văn P có rừng liền kề không có ý kiến gì. Đến tháng 02/2002 thì gia đình ông Lê Văn P mới đến tranh chấp và chặt phá toàn bộ số cây hồi của gia đình anh, sự việc đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã P giải quyết cho gia đình anh tiếp tục phát nương trồng sắn, trong suốt thời gian từ năm 2002 đến năm 2016 gia đình ông Lê Văn P thường xuyên đến tranh chấp, đã được các cấp chính quyền xem xét, giải quyết cho gia đình anh quản lý đất tranh chấp, gia đình anh đã kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) nhưng do có tranh chấp nên không được cấp. Năm 2016 gia đình trồng sắn thì bị gia đình ông Lê Văn P phá toàn bộ, được UBND xã tiến hành hòa giải không thành. Năm 2010 vụ việc tranh chấp đã được UBND huyện V ra Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 23/9/2010 về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, quyết định giao toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 0,5 ha có tên địa danh đồi L cho gia đình anh quản lý và sử dụng. Đến ngày 22/6/2011 Chủ tịch UBND huyện V lại có Quyết định, về việc thu hồi quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, với lý do trong nội dung quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có gắn với nội dung giao đất, do vậy cần thu hồi và xem xét giải quyết lại việc tranh chấp. Từ đó đến nay UBND huyện V không có văn bản nào giải quyết lại cho gia đình anh. Kể từ khi xảy ra tranh chấp và các lần giải quyết tại xã đã kết luận đất đang tranh chấp chưa được giải quyết dứt điểm các bên không được canh tác, trồng cây trên diện tích đất tranh chấp đó. Anh khẳng định diện tích đất tranh chấp không nằm trong thửa 59 của ông Lê Văn P. Tháng 4/2019 ông Lê Văn P đã chặt phá toàn bộ khu rừng và những cây gỗ tạp trên đất với diện tích là 0,7 ha để trồng cây keo con trên toàn bộ lô đất đang tranh chấp thuộc thửa 198, diện tích 13.101m².

Ngày 06/5/2020 Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác định đất tranh chấp có tổng diện tích là 8.679,6m², trong đó phần diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa 192.1 có diện tích là 185,1m²; phần diện tích nằm trong thửa 198.1 có diện tích là 8.494,5m². Trên đất có cây keo gia đình ông Lê Văn P trồng từ tháng 4/2019 là 1.787 cây, (trên diện tích 7.150,3 m²) tháng 4/2020 là 173 cây (trên diện tích 692,7m²),

ngoài ra trên đất còn có 01 cây sau sau, 01 cây kháo cài bị chặt xung quanh gốc, 01 cây mạy pa (bồ đề) là những cây mọc tự nhiên đều nằm trong thửa đất 198. Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình anh được quản lý, sử dụng diện tích 8.679,6m², trong đó phần diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa 192.1 là 185,1m²; phần diện tích nằm trong thửa 198.1 là 8.494,5m² và yêu cầu gia đình ông Lê Văn P di dời số cây keo mới trồng trên toàn bộ thửa đất nằm trong thửa đất 198.1 để cho anh được quyền quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp và được sở hữu các cây mọc tự nhiên trên đất và không bồi thường cây trồng trái phép trên đất tranh chấp.

Trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo tại Tòa án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nông Văn H, chị Nông Thị Thu H, chị Nông Thị M, thống nhất với ý kiến trình bày của anh Nông Văn C, không có yêu cầu độc lập, yêu cầu giải quyết cho anh Nông Văn C được trực tiếp quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Bị đơn ông Lê Văn P, người đại diện theo ủy quyền là bà Phùng Thị T thống nhất trình bày: Gia đình ông có khu đất rừng xảy ra tranh chấp với gia đình ông Nông Văn C tại L, thôn B, đã được cấp Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (sổ Bìa xanh) tại số lô là 59, diện tích 04 ha, đã được UBND huyện V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số vào sổ 00072.QSDĐ ngày 27/6/2001, đứng tên hộ ông Lê Văn P. Về nguồn gốc khu đất rừng là do cha ông để lại. Đến năm 2002 thì xảy ra tranh chấp với gia đình ông Nông Văn C, sự việc đã được UBND xã P và UBND huyện V giải quyết, nhưng do các cấp giải quyết cho ông Nông Văn C được quản lý đất nên ông không nhất trí. Đất tranh chấp có tổng diện tích là 8.679,6m², trong đó phần diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa 192.1 của ông Nông Văn C có diện tích là 185,1m²; phần diện tích nằm trong thửa 198.1 có diện tích là 8.494,5m². Trên đất có cây keo gia đình ông trồng từ tháng 4/2019 là 1.787 cây và trồng tháng 4/2020 là 173 cây. Nay ông yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất đang tranh chấp và sở hữu toàn bộ cây keo gia đình ông trồng trên đất đang tranh chấp, không chấp nhận di dời cây keo theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phùng Thị T, anh Lê Văn Đ, chị Vy Thị H, chị Lê Thị T, chị Lê Thị Z thống nhất với ý kiến của bị đơn và đề nghị giao cho ông Lê Văn P quản lý toàn bộ khu đất tranh chấp và các tài sản trên đất.

Ông Hà Văn N là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 198 đến nay chưa có ai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa có ai đứng tên trong sổ mục kê. Nếu ai có căn cứ chứng minh việc quản lý sử dụng, đề nghị Tòa án cho người đó được quyền sử dụng đất. Thời điểm năm 2008 khi có trương trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã đã thông báo đến các hộ gia đình để kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên đối với thửa đất số 198 là đất đang có tranh chấp nên không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại văn bản số: 893/UBND-TNMT ngày 19/6/2020, Quyết định số: 2795/QĐ-UB ngày 19/8/2020 Ủy ban nhân dân huyện V cung cấp thông tin liên quan đến diện tích đất tranh chấp như sau: Diện tích đất tranh chấp thuộc địa danh L thuộc thửa 198, đối chiếu với bản đồ giao đất lâm nghiệp đất tranh chấp trùng với lô 51 mang tên ông Nông Tú L, ông Nông Tú L đã được giao quyền quản lý và được cấp GCNQSDĐ. Đối chiếu với sổ mục kê thửa 51 có địa danh là L1. Do vậy UBND huyện V khẳng định việc cấp GCNQSDĐ đất cho ông Nông Tú L là không đúng địa danh, không đúng đối tượng, do vậy ngày 19/8/2020 UBND huyện V đã ban hành quyết định số 2795 về việc thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông Nông Tú L.

Tại Kết luận giám định tư pháp về giám định bản đồ ngày 16/6/2020 và Kết luận giám định chính ngày 29/6/2020 đã kết luận: Diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa 198, đối chiếu bản đồ giao đất lâm nghiệp lô 59 không trùng với thửa 198. Vị trí thửa 198 trùng với vị trí lô số 51. Diện tích đất thuộc thửa 198 chưa được cấp GCNQSDĐ đất cho hộ gia đình, cá nhân nào. Thửa số 198 (đang tranh chấp) nằm sen kẹp giữa thửa 185 (đứng tên ông Lê Văn P) và thửa số 192 (đứng tên Nông Văn C). Đối chiếu sổ mục kê đất đai thửa 198 không ghi tên người sử dụng, là đất do UBND xã quản lý.

Với nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 5 Điều 157, Điều 158, khoản 1, 2, 5 Điều 161, Điều 162, khoản 1, 5 Điều 165, Điều 166, Điều 228, Điều 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 158, 221 Bộ luật Dân sự; Điều 46, 75, 105, 107 Luật Đất đai năm 2003; Điều 4, 12, 26, 95, 135, 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nông Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 185,1m² thuộc thửa 192.1 và diện tích 8.494,5m² thuộc thửa 198.1, tổng diện tích là 8.679,6m² được xác định bởi các điểm A-B-C-D-E-F, tại L, Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, thuộc tờ bản đồ số 01 Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/10.000 xã P, (nay là xã L) huyện V, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu 01 cây sau sau, 01 cây kháo cài bị chặt xung quanh gốc, 01 cây mạy pa (bồ đề)". (Vị trí các cạnh thể hiện trên sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 06/5/2020 kèm theo).

Buộc bị đơn và những người liên quan phía bị đơn chấm dứt tranh chấp diện tích đất bên nguyên đơn được quản lý sử dụng. Ông Nông Văn C có nghĩa vụ kê khai đăng ký đất đai với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Về di dời tài sản trên đất: Buộc gia đình ông Lê Văn P di dời 1.787 cây keo trồng trên diện tích 7.150,3m² và 173 cây cây keo trồng trên diện tích

692,7m² ra khỏi diện tích đất tranh chấp. Ông Nông Văn C không phải hoàn trả giá trị cây keo cho ông Lê Văn P.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn P phải chịu 18.397.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc thửa đất và giám định bản đồ. Ông Nông Văn C đã thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên. Ông Lê Văn P có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nông Văn C số tiền 18.397.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Trong thời hạn luật định bà Phùng Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Nông Văn C và Người đại diện theo ủy quyền là bà Linh Thị B và bị đơn bà Phùng Thị T đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận chia đôi diện tích đất tranh chấp, thuộc một phần của thửa đất số 198, tờ bản đồ số 33, bản đồ địa chính xã Lhuyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tài sản gắn liền với đất là cây trồng trên đất thuộc phần diện tích của ai quản lý, sử dụng thì tài sản thuộc quyền sở hữu của người đó. Về chi phí tố tụng: Anh Nông Văn C và bà Linh Thị B tự nguyện chịu 8.397.000 đồng (tám triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn đồng). Ông Lê Văn P và bà Phùng Thị T tự nguyện chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để trả lại cho anh Nông Văn C. Về án phí: Ông Lê Văn P và bà Phùng Thị T tự nguyện chịu toàn bộ.

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật.

Đơn kháng cáo của bà Phùng Thị T làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của phía nguyên đơn và phía bị đơn nhưng họ đã có giấy ủy quyền hợp lệ. Người làm chứng vắng mặt đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ. Ý kiến Kiểm sát viên cho rằng; Giấy ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn chưa đúng quy trình, đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Hội đồng xét xử nghỉ thảo luận tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử thấy, việc vắng mặt ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan phía bị đơn, đã đúng quy trình và không có đối lập, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do vậy, áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn anh Nông Văn C và bị đơn bà Phùng Thị T đã tự nguyện thỏa thuận chia đôi diện tích đất tranh chấp, thuộc một phần của thửa đất số 198, tờ bản đồ số 33, bản đồ địa chính xã L, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tài sản gắn liền với đất là cây trồng trên đất thuộc phần diện tích của ai quản lý, sử dụng thì tài sản thuộc quyền sở hữu của người đó. Về chi phí tố tụng: Anh Nông Văn C và bà Linh Thị B tự nguyện chịu 8.397.000 đồng (tám triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Bà Phùng Thị T tự nguyện chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để trả lại cho anh Nông Văn C. Về án phí: Bà Phùng Thị T tự nguyện chịu toàn bộ. Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Phùng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, ông Lê Văn P và bà Phùng Thị T là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn án phí, nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Hoàn trả cho ông Nông Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2012/03848 ngày 30/12/2019 tại Chi cục T huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cụ thể như sau:

1. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Nông Văn C và Người đại diện theo ủy quyền là bà Linh Thị B và bà Phùng Thị T, cụ thể như sau:

Anh Nông Văn C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 4.246,5 m² đất, được ký hiệu bởi hình vẽ nối các điểm ACC1DB trên mảnh trích đo (kèm theo Bản án) và được sở hữu toàn bộ tài sản là cây trồng trên diện tích đất nói trên.

Bà Phùng Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 4.248,0 m² đất, được ký hiệu bởi hình vẽ nối các điểm FBCC1Ề trên mảnh trích đo (kèm theo Bản án) và được sở hữu toàn bộ tài sản là cây trồng trên diện tích đất nói trên.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Nông Văn C tự nguyện chịu 8.397.000 đồng (tám triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Bà Phùng Thị T tự nguyện chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để trả lại cho anh Nông Văn C. Kể từ khi bên có quyền, có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Bà Phùng Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Nông Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2012/03848 ngày 30/12/2019 tại Chi cục T huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục T huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đức Chiến